TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20-02-2020
V/v: "Tranh chấp về nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Dũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Hữu Cải;

2. Bà Nguyễn Thị Thay.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 816/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp về nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 10, ấp Hội T, xã Tân H1, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 10, ấp Hội T, xã Tân H1, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06-12-2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn L chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông L thường xuyên đánh bài, đánh số đề và uống rượu. Bà đã khuyên can nhiều lần nhưng ông L không sửa đổi. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn giữa bà và ông L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Văn X, sinh ngày 01-01-1991 và Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 01-01-1995. Nay các cháu X và Đ đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông và bà H không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi, gây gổ với nhau. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn giữa ông và bà H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 cháu như bà H trình bày. Nay các cháu X và Đ đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về "Tranh chấp về nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" đối với ông Nguyễn Văn L. Việc chung sống giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng; về con chung: Các cháu Nguyễn Văn X, sinh ngày 01-01-1991 và Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 01-01-1995 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà H và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông L.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L chung sống như vợ, chồng từ năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 14 của của Luật Hôn nhân và gia đình thì việc chung sống như vợ, chồng giữa bà H và ông L không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về con chung: Có 02 cháu Nguyễn Văn X, sinh ngày 01-01-1991 và Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 01-01-1995 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà H và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14 của của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về "Tranh chấp về nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" đối với ông Nguyễn Văn L. Việc chung sống giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

2. Về con chung: Các cháu Nguyễn Văn X, sinh ngày 01-01-1991 và Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 01-01-1995 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000171, ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lê Đức Dũng